TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 82/2026/QĐST-HNGĐ	*Phú Thọ, ngày 08 tháng 04 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 61/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Khu T, xã T, tỉnh Phú Thọ;
Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1988;
Địa chỉ: Khu T, xã T, tỉnh Phú Thọ;
Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 03 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 03 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Trần Văn M và chị Nguyễn Thị P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Trần Văn M và chị Nguyễn Thị P đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Đăng K, sinh ngày 26/11/2013 và cháu Trần Thị Bảo C, sinh ngày 07/05/2021. Khi ly hôn anh M và chị P đều thống nhất: Anh M được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đăng K; chị P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu

Trần Thị Bảo C, kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung đã thành niên. Anh Trần Văn M và chị Nguyễn Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh Trần Văn M và chị Nguyễn Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Văn M tự nguyên chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận anh M đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0001587 ngày 05/03/2026 của Cơ quan Thi hành án Dân sự tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho anh M số tiền 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trong trờng hợp bản án, quyết định đợc thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật Thi hành án dân sự thì ngời đợc thi hành án dân sự, ngời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đợc thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 7 – Phú Thọ;
- Phòng THADS Khu vực 7- Phú Thọ;
- UBND xã Thu Cúc, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đào Thị Anh Nhinh